

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2007/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2007

NGHỊ ĐỊNH

Về kiểm dịch thực vật (81)

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật ngày 08 tháng 8 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về công tác kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, chuyển khẩu, tạm nhập tái xuất,

tạm xuất tái nhập, quá cảnh, kiểm dịch thực vật nội địa và xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến kiểm dịch thực vật trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác thì áp dụng theo điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Sinh vật gây hại là bất cứ loài, chủng hoặc dạng sinh học thực vật,

động vật hoặc vi sinh vật nào gây hại cho thực vật hoặc sản phẩm thực vật, bao gồm: côn trùng, nấm bệnh, tuyến trùng, vi khuẩn, vi rút, phytoplasma, cỏ dại, chuột và các sinh vật khác gây hại tài nguyên thực vật (dưới đây được gọi tắt là dịch hại).

2. Đối tượng kiểm dịch thực vật (còn gọi là dịch hại kiểm dịch thực vật) là loài dịch hại có nguy cơ gây hại nghiêm trọng tài nguyên thực vật trong một vùng mà ở đó loài sinh vật này chưa xuất hiện hoặc xuất hiện có phân bố hẹp và phải được kiểm soát chính thức.

3. Dịch hại thuộc diện điều chỉnh nhưng không phải dịch hại kiểm dịch thực vật là loài dịch hại mà sự có mặt của chúng đối với thực vật dùng để gieo trồng sẽ gây ra tác động kinh tế không thể chấp nhận được và phải kiểm soát trong lãnh thổ của nước nhập khẩu.

4. Dịch hại thuộc diện điều chỉnh bao gồm dịch hại kiểm dịch thực vật và dịch hại thuộc diện điều chỉnh nhưng không phải dịch hại kiểm dịch thực vật.

5. Sinh vật gây hại lạ (còn gọi là dịch hại lạ) là những dịch hại chưa được xác định trên cơ sở khoa học và chưa từng phát hiện ở trong nước.

6. Sinh vật có ích bao gồm vi rút, vi khuẩn, tuyến trùng, nấm, côn trùng, động vật và các sinh vật khác có tác dụng hạn chế tác hại của dịch hại đối với tài nguyên thực vật.

7. Vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (dưới đây gọi tắt là vật thể) gồm thực vật, sản phẩm thực vật, phương tiện sản xuất, bảo quản, vận chuyển hoặc những vật thể khác có khả năng mang dịch hại thuộc diện điều chỉnh.

8. Tình trạng nhiễm dịch hại thực vật là mức độ, tính chất nhiễm sinh vật gây hại của vật thể.

9. Kiểm tra vật thể là việc điều tra, quan sát, theo dõi, lấy mẫu, phân tích, giám định, nghiên cứu để xác định tình trạng nhiễm dịch hại.

10. Khử trùng là việc tiêu diệt sinh vật gây hại vật thể một cách triệt để.

11. Xông hơi khử trùng là biện pháp khử trùng bằng hóa chất xông hơi độc.

12. Ổ dịch là nơi có một hoặc nhiều loài dịch hại thuộc Danh mục dịch hại kiểm dịch thực vật đã được công bố hoặc Danh mục dịch hại thuộc diện điều chỉnh nhưng không phải dịch hại kiểm dịch thực vật.

13. Vùng dịch là phạm vi không gian bị nhiễm ổ dịch được cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền xác định.

14. Lô vật thể là một lượng nhất định của vật thể có các điều kiện và yếu tố giống nhau về khả năng nhiễm dịch.

15. Địa điểm kiểm dịch thực vật là nơi kiểm tra vật thể trước khi di chuyển vật thể đó.

16. Phân tích nguy cơ dịch hại là quá

trình đánh giá bằng chứng sinh học hoặc khoa học, kinh tế để xác định loài dịch hại cần được điều chỉnh và tăng cường các biện pháp kiểm dịch thực vật chống lại nó.

17. Vùng không nhiễm dịch hại là vùng mà ở đó được chứng minh bằng các chứng cứ khoa học về sự không xuất hiện của một loài dịch hại cụ thể và các điều kiện này sẽ được duy trì một cách chính thức.

18. Tính tương đương của các biện pháp kiểm dịch thực vật là tình trạng áp dụng các biện pháp kiểm dịch thực vật khác nhau nhưng hiệu quả như nhau.

19. Giám sát dịch hại là quá trình chính thức thu thập và ghi chép dữ liệu về sự xuất hiện hoặc không xuất hiện dịch hại bằng việc điều tra, theo dõi hoặc các quy trình khác.

20. Hải hòa các biện pháp kiểm dịch thực vật là sự thiết lập, công nhận và áp dụng các biện pháp kiểm dịch thực vật của các nước khác nhau dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế.

21. Thực vật là cây và bộ phận của cây còn sống, kể cả hạt giống và sinh chất có khả năng làm giống.

22. Sản phẩm thực vật là các vật liệu chưa chế biến có nguồn gốc thực vật và sản phẩm đã chế biến có nguồn gốc thực vật mà do bản chất của sản phẩm hoặc do quá trình chế biến, có thể tạo ra

nguy cơ xâm nhập và lây lan của dịch hại thực vật.

23. Giống cây trồng mới được nhập khẩu lần đầu tiên là giống cây trồng chưa có trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh.

24. Biện pháp kiểm dịch thực vật là các quy định, quy trình chính thức nhằm ngăn chặn sự xâm nhập và/hoặc lây lan của các dịch hại thực vật hoặc hạn chế tác động kinh tế của các dịch hại phải kiểm soát.

25. Nơi xuất xứ là nơi vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật được gieo trồng hoặc nơi mà vật thể lần đầu tiên tạo ra tình trạng nhiễm dịch hại.

26. Khu cách ly kiểm dịch là nơi gieo trồng thực vật, bảo quản sản phẩm thực vật cách ly hoàn toàn với môi trường bên ngoài trong thời gian kiểm dịch.

27. Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu là văn bản pháp lý cho phép nhập khẩu một lô vật thể phù hợp với các yêu cầu kiểm dịch thực vật theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm của chủ vật thể

1. Thực hiện việc theo dõi, phòng trừ sinh vật gây hại, xử lý các vật thể nhiễm dịch, vật thể không đủ tiêu chuẩn nhập khẩu, xuất khẩu hoặc vận chuyển ra khỏi vùng dịch theo quy định về kiểm dịch thực vật.

Trường hợp cùng một lúc phải xử lý

vật thể nhiễm dịch của nhiều chủ vật thể, nhưng các chủ vật thể không thỏa thuận được với nhau về việc xử lý thì cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định và chủ vật thể phải thực hiện.

2. Phải thường xuyên theo dõi tình hình sinh vật gây hại tài nguyên thực vật của mình hoặc do mình trực tiếp quản lý.

Ở những nơi thường tập trung vật thể nhập khẩu, quá cảnh hoặc đưa từ vùng dịch đến thì việc theo dõi nêu trên phải theo yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

3. Khi phát hiện hoặc nghi ngờ có dịch hại thuộc diện điều chỉnh của danh mục đã công bố hoặc sinh vật gây hại lạ thì chủ vật thể hoặc người phát hiện phải áp dụng các biện pháp cần thiết để diệt trừ và ngăn chặn sự lây lan, đồng thời báo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất.

4. Thực hiện biện pháp xử lý vật thể theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

5. Nộp phí kiểm dịch thực vật theo quy định và thanh toán các khoản chi phí cho việc xử lý vật thể. Trường hợp không có chủ vật thể thì chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện

chuyên chở, người bảo quản vật thể phải thực hiện những quy định về kiểm dịch thực vật đối với phương tiện và vật thể mà mình chuyên chở, bảo quản theo phương tiện đó và trả các khoản chi phí cho việc xử lý vật thể.

6. Cung cấp các thông tin cần thiết về bảo vệ và kiểm dịch thực vật cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về bảo vệ và kiểm dịch thực vật của Việt Nam như: thông tin về thực vật và sản phẩm thực vật, vùng sản xuất, phương pháp canh tác, danh mục dịch hại, đóng gói hàng hóa, chương trình xuất khẩu, chính sách xuất khẩu và các tài liệu liên quan khác.

7. Tạo điều kiện để cán bộ kiểm dịch thực vật thực thi nhiệm vụ như: mở, đóng phương tiện vận chuyển, kho chứa, kiện hàng, cung cấp nhân lực cho việc kiểm tra, lấy mẫu vật thể; theo dõi và kiểm tra vật thể trong quá trình gieo trồng, sử dụng, bảo quản.

Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan kiểm dịch thực vật

1. Hướng dẫn, giám sát, chứng nhận việc thực hiện các biện pháp theo dõi, phòng trừ và xử lý vật thể. Trực tiếp xử lý vật thể nhiễm dịch phải được thực hiện khẩn cấp mà chủ vật thể không có khả năng thực hiện.

2. Thực hiện việc kiểm dịch vật thể và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật.

3. Cung cấp thông tin cần thiết về bảo vệ và kiểm dịch thực vật cho nước nhập khẩu theo quy định của Hiệp định về vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật, Công ước quốc tế về bảo vệ thực vật.

4. Xây dựng, quản lý vùng không nhiễm dịch hại theo Tiêu chuẩn Việt Nam.

5. Xem xét, đánh giá và công nhận tính tương đương của các biện pháp kiểm dịch thực vật áp dụng đối với vật thể xuất khẩu, nhập khẩu của các quốc gia khác.

6. Áp dụng các biện pháp khẩn cấp để ngăn chặn dịch hại xâm nhập và lan rộng trong những trường hợp cần thiết.

7. Hòa giải các biện pháp kiểm dịch thực vật theo các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị của Công ước quốc tế về bảo vệ thực vật.

8. Phối hợp với cơ quan kiểm dịch thực vật nước xuất khẩu để kiểm tra, xử lý vật thể xuất khẩu, nhập khẩu tại nước xuất khẩu trong một số trường hợp theo quy định của các hiệp định đa phương và song phương.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của cán bộ kiểm dịch thực vật

Trong khi làm nhiệm vụ cán bộ kiểm dịch thực vật có trách nhiệm:

1. Thực hiện việc kiểm dịch thực vật theo quy định của pháp luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

2. Phải mang sắc phục, phù hiệu, cấp hiệu, thẻ kiểm dịch thực vật.

3. Có quyền vào những nơi có vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

4. Đối với những nơi thuộc bí mật an ninh quốc phòng và trường hợp đặc biệt khác thì phải được cấp có thẩm quyền quản lý các cơ sở đó tạo điều kiện và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ để đảm bảo cả hai yêu cầu bảo mật và kiểm dịch thực vật.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, Ủy ban nhân dân các cấp

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong từng thời kỳ xác định và công bố:

a) Danh mục dịch hại thuộc diện điều chỉnh;

b) Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và vật thể phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam.

2. Cơ quan Hải quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan kiểm dịch thực vật trong việc kiểm tra, giám sát đối với vật thể. Thủ tục hải quan chỉ hoàn tất đối với vật thể kiểm dịch thực vật sau khi đã làm đầy đủ thủ tục kiểm dịch thực vật. Nội dung khai báo kiểm dịch thực vật được thể hiện trong tờ khai nhập - xuất cảnh.

Những vật thể mà cơ quan kiểm dịch thực vật buộc tái xuất, buộc phải tiêu

hủy hoặc sau khi kiểm dịch, kết luận được phép xuất khẩu, nhập khẩu thì cơ quan kiểm dịch thực vật phải thông báo cho cơ quan Hải quan cửa khẩu nơi có vật thể xuất khẩu, nhập khẩu biết. Cơ quan Hải quan và các cơ quan khác liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan kiểm dịch thực vật giải quyết, xử lý những vấn đề liên quan khi cơ quan kiểm dịch thực vật có yêu cầu.

3. Các cơ quan Giao thông vận tải, Bưu điện, Công an, Bộ đội Biên phòng, Quản lý thị trường và các cơ quan khác có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với cơ quan kiểm dịch thực vật trong việc kiểm tra, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm quy định về kiểm dịch thực vật.

4. Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo các cơ quan có liên quan tại địa phương thực hiện công tác kiểm dịch thực vật theo quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Điều 8. Thủ tục kiểm dịch thực vật

1. Chủ vật thể hoặc người được chủ vật thể ủy quyền phải thực hiện:

a) Khai báo trước ít nhất 24 giờ với cơ quan kiểm dịch thực vật nơi gần nhất trước khi xuất khẩu hay nhập khẩu vật thể;

b) Khai báo vào tờ khai nhập - xuất cảnh và được cơ quan kiểm dịch thực

vật kiểm tra tại chỗ đối với hành lý xách tay, hành lý gửi theo phương tiện chuyên chở chứa vật thể;

c) Phải có Giấy đăng ký kiểm dịch hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan kiểm dịch thực vật Việt Nam nộp cùng hồ sơ hải quan để làm thủ tục thông quan đối với những vật thể là hàng hóa nhập khẩu hoặc đóng gói chung với hàng hóa nhập khẩu khác (trừ hành lý xách tay, hành lý gửi theo phương tiện chuyên chở của hành khách nhập cảnh);

d) Phải có Giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan kiểm dịch thực vật Việt Nam trong trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu, nộp cùng hồ sơ hải quan để làm thủ tục thông quan đối với những vật thể là hàng hóa xuất khẩu hoặc đóng gói chung với hàng hóa xuất khẩu khác (trừ hành lý xách tay, hành lý gửi theo phương tiện chuyên chở của hành khách xuất cảnh).

2. Cơ quan kiểm dịch thực vật phải kiểm tra, phúc tra, trả lời kết quả trong phạm vi 24 giờ sau khi kiểm tra vật thể. Trong trường hợp phải kéo dài quá 24 giờ, cơ quan kiểm dịch thực vật phải báo cho chủ vật thể biết.

3. Việc kiểm tra vật thể và lập hồ sơ về kiểm dịch thực vật được áp dụng thống nhất trong phạm vi cả nước.

Điều 9. Hành vi nghiêm cấm

1. Đưa dịch hại thuộc diện điều chỉnh

thuộc các danh mục quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định này, sinh vật gây hại lạ còn sống ở bất kỳ giai đoạn sinh trưởng nào vào Việt Nam.

2. Đưa dịch hại thuộc diện điều chỉnh còn sống thuộc các danh mục quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định này đến các vùng chưa có dịch.

3. Đưa vật thể thuộc danh mục phải phân tích nguy cơ dịch hại quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định này vào Việt Nam.

4. Đưa thực vật mang theo đất dưới mọi hình thức vào Việt Nam.

Chương II

KIỂM DỊCH THỰC VẬT NHẬP KHẨU

Điều 10. Điều kiện nhập khẩu

Vật thể nhập khẩu vào Việt Nam phải có đủ các điều kiện sau:

1. Có Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp hoặc giấy xác nhận có giá trị tương đương.

2. Không có dịch hại thuộc diện điều chỉnh thuộc các danh mục đã quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định này và sinh vật gây hại lạ; nếu có thì phải được xử lý triệt để.

3. Phải có giấy phép kiểm dịch thực

vật nhập khẩu đối với những vật thể phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam.

4. Đối với vật liệu đóng gói bằng gỗ nhập khẩu phải được xử lý bằng các biện pháp kiểm dịch thực vật theo quy định.

Điều 11. Thủ tục cấp giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với những vật thể phải phân tích nguy cơ dịch hại

1. Tổ chức, cá nhân có đơn đề nghị cấp giấy phép kiểm dịch thực vật theo mẫu quy định và nộp tại cơ quan kiểm dịch thực vật.

2. Cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến vật thể nhập khẩu theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định này.

3. Cơ quan kiểm dịch thực vật phải tiến hành phân tích nguy cơ dịch hại đối với vật thể nhập khẩu.

4. Nếu kết quả phân tích nguy cơ dịch hại cho thấy vật thể có nguy cơ dịch hại thì cơ quan kiểm dịch thực vật không cấp giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu cho tổ chức, cá nhân có đơn đề nghị.

Điều 12. Kiểm dịch thực vật nhập khẩu

1. Khi vật thể nhập khẩu vào cửa khẩu đầu tiên, chủ vật thể làm thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

2. Cơ quan kiểm dịch thực vật tiến

hành kiểm dịch tại cửa khẩu đầu tiên. Trong trường hợp đặc biệt, thủ tục kiểm dịch thực vật được tiến hành tại địa điểm khác có đủ điều kiện cách ly.

3. Đối với phương tiện vận tải đường thủy chuyên chở vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật đến phao số "0", chủ phương tiện khai báo với cơ quan kiểm dịch thực vật Việt Nam để kiểm tra, nếu không có dịch hại kiểm dịch thực vật thì phương tiện đó được phép nhập cảng, nếu có dịch hại thuộc diện điều chỉnh thì phải xử lý triệt để. Việc kiểm dịch vật thể nhập khẩu chuyên chở trên phương tiện vận tải đường thủy được tiến hành tại cảng Việt Nam.

4. Vật thể tạm nhập, tạm xuất phải làm thủ tục kiểm dịch thực vật như đối với vật thể nhập khẩu.

Điều 13. Giống cây trồng và sinh vật có ích nhập khẩu

1. Tổ chức, cá nhân khi nhập khẩu giống cây trồng và sinh vật có ích phải có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định này và các quy định sau:

a) Đối với giống cây trồng nhập khẩu phải làm thủ tục kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu do cơ quan kiểm dịch thực vật quy định;

b) Đối với giống cây trồng thuộc Danh mục được phép sản xuất, kinh doanh sau khi đã hoàn thành thủ tục

kiểm dịch thực vật phải được vận chuyển đến và gieo trồng tại địa điểm đã đăng ký với cơ quan kiểm dịch thực vật và đồng thời phải khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật địa phương để tiếp tục theo dõi, kiểm tra về sinh vật gây hại;

c) Đối với giống cây trồng mới được nhập khẩu lần đầu tiên chỉ được gieo trồng tại khu cách ly kiểm dịch thực vật theo quy định của cơ quan kiểm dịch thực vật để theo dõi sinh vật gây hại;

d) Trong một số trường hợp đặc biệt việc nhập khẩu giống cây trồng, sinh vật có ích phải được sự chấp thuận của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định các trường hợp đặc biệt được phép nhập khẩu theo quy định khoản này.

2. Tổ chức, cá nhân khi nhập khẩu giống cây trồng và sinh vật có ích phải chấp hành đúng thời gian theo dõi đối với từng nhóm cây trồng theo quy định.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định thời gian theo dõi đối với từng nhóm giống cây trồng, sinh vật có ích và tiêu chuẩn của một khu cách ly kiểm dịch thực vật.

Điều 14. Giám sát, vận chuyển, bảo quản, sử dụng vật thể nhập khẩu

1. Cơ quan kiểm dịch thực vật có

trách nhiệm giám sát về mặt kiểm dịch thực vật đối với vật thể nhập khẩu kể từ khi vật thể đó được đưa vào lãnh thổ Việt Nam.

2. Chủ vật thể phải có Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan kiểm dịch thực vật của Việt Nam cấp và thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đó trong quá trình vận chuyển, bảo quản, sử dụng vật thể.

Chương III

KIỂM DỊCH THỰC VẬT XUẤT KHẨU

Điều 15. Căn cứ kiểm dịch thực vật xuất khẩu

Cơ quan kiểm dịch thực vật thực hiện kiểm dịch thực vật đối với vật thể xuất khẩu trong trường hợp:

1. Hợp đồng mua bán hoặc các điều ước quốc tế có quy định phải kiểm dịch.
2. Chủ vật thể yêu cầu kiểm dịch thực vật.

Điều 16. Kiểm dịch thực vật xuất khẩu

1. Chủ vật thể phải báo trước với cơ quan kiểm dịch thực vật gần nhất và làm thủ tục kiểm dịch thực vật xuất khẩu theo quy định tại Điều 8 Nghị định này khi vật thể xuất khẩu đến cửa khẩu

cuối cùng, hoặc đến nơi mà từ đó vật thể xuất khẩu ra nước ngoài.

2. Cơ quan kiểm dịch thực vật tiến hành kiểm dịch tại cửa khẩu mà chủ vật thể đã đăng ký. Trường hợp đã kiểm dịch tại cơ sở sản xuất hoặc nơi xuất phát hay nơi bảo quản ở sâu trong nội địa thì chủ vật thể phải xuất trình Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật khi đến cửa khẩu cuối cùng để xuất khẩu.

Điều 17. Giám sát vật thể xuất khẩu

1. Cơ quan kiểm dịch thực vật có trách nhiệm giám sát về mặt kiểm dịch thực vật đối với vật thể xuất khẩu từ khi vật thể được kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật cho đến khi vận chuyển ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

2. Chủ vật thể xuất khẩu có Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật trong khi vận chuyển vật thể từ địa điểm kiểm dịch thực vật xuất khẩu ra nước ngoài phải thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại giấy chứng nhận.

Chương IV

KIỂM DỊCH THỰC VẬT QUÁ CẢNH

Điều 18. Điều kiện kiểm dịch thực vật quá cảnh

1. Có Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của nước xuất xứ do cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền cấp.

2. Vật thể khi quá cảnh hoặc lưu kho bãi trên lãnh thổ Việt Nam phải được cơ quan kiểm dịch thực vật Việt Nam đồng ý.

3. Vật thể quá cảnh phải được đóng gói theo đúng quy cách hàng hóa bảo đảm không để lây lan sinh vật gây hại trong quá trình vận chuyển và lưu kho bãi.

Điều 19. Kiểm dịch thực vật quá cảnh

1. Khi vật thể quá cảnh vào cửa khẩu đầu tiên của Việt Nam, chủ vật thể phải khai báo cho cơ quan kiểm dịch thực vật gần nhất và xuất trình Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của nước xuất xứ.

2. Cơ quan kiểm dịch thực vật Việt Nam phải giám sát vật thể, kiểm tra phương tiện vận chuyển và bên ngoài vật thể theo quy định.

3. Trường hợp phát hiện vật thể quá cảnh đóng gói không đúng quy định về kiểm dịch thực vật, không có Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của nước xuất xứ thì cơ quan kiểm dịch Việt Nam phải có trách nhiệm kiểm tra vật thể và phương tiện hoặc đình chỉ vận chuyển cho tới khi đóng gói đúng quy định. Cơ quan kiểm dịch thực vật kiểm tra, giám sát và xem xét để cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật quá cảnh.

Chương V

KIỂM DỊCH THỰC VẬT
NỘI ĐỊA

Điều 20. Nội dung của công tác kiểm dịch thực vật nội địa

1. Quản lý dịch hại thuộc diện điều chỉnh của Việt Nam và sinh vật có ích.

2. Quản lý và thực hiện các biện pháp xử lý khi phát hiện ổ dịch.

3. Xây dựng và thực hiện các chương trình điều tra, giám sát và phòng trừ hiệu quả các dịch hại thuộc diện điều chỉnh đối với giống cây trồng nhập nội và sản phẩm thực vật lưu trữ trong kho.

Điều 21. Thủ tục kiểm dịch thực vật nội địa

1. Việc khai báo, kiểm tra, xử lý, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật vận chuyển nội địa được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

2. Đối với giống cây trồng sản xuất trong nước vận chuyển nội địa mà không xuất phát từ vùng dịch hoặc không đi qua vùng dịch thì không phải làm thủ tục kiểm dịch thực vật.

Điều 22. Giám sát kiểm dịch thực vật nội địa

1. Thực hiện việc điều tra, theo dõi, giám sát tình hình dịch hại trên giống cây trồng nhập nội và sản phẩm thực vật lưu trữ trong kho.

2. Khi có giống cây trồng, sinh vật có ích nhập nội về địa phương gieo trồng, sử dụng, việc giám sát được quy định như sau:

a) Kiểm tra Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu do cơ quan kiểm dịch thực vật Việt Nam cấp cho vật thể, giống cây trồng, sinh vật có ích nhập khẩu;

b) Theo dõi, giám sát nơi gieo trồng, sử dụng;

c) Xử phạt vi phạm hành chính và tiến hành kiểm dịch thực vật đối với những lô vật thể nhập khẩu không thực hiện việc kiểm dịch thực vật nhập khẩu theo quy định của pháp luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

3. Xác định ranh giới vùng dịch, địa điểm kiểm dịch thực vật nội địa khi vận chuyển vật thể ra khỏi vùng dịch, thực hiện việc kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật vận chuyển nội địa, giám sát việc vận chuyển vật thể ra khỏi vùng dịch.

4. Kiểm tra Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và theo dõi, giám sát lô vật thể được đưa từ vùng dịch tới địa phương.

5. Quyết định biện pháp xử lý vật thể bị nhiễm dịch hại thuộc diện điều chỉnh; hướng dẫn, giám sát chủ vật thể thực hiện biện pháp xử lý.

6. Ở nơi có ổ dịch và có dấu hiệu lan

tràn thành vùng dịch, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật phải báo cáo ngay với cơ quan có thẩm quyền công bố dịch theo quy định tại Điều 11 của Pháp lệnh Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật.

Chương VI

XỬ LÝ VẬT THỂ THUỘC DIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Điều 23. Xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật

1. Xử lý vật thể bao gồm việc tái chế, chọn lọc, thải loại, làm sạch, khử trùng, trả về nơi xuất xứ, tiêu hủy và các biện pháp khác nhằm diệt trừ triệt để dịch hại thuộc diện điều chỉnh.

2. Việc áp dụng các biện pháp xử lý trong công tác kiểm dịch thực vật thực hiện theo quy định của cơ quan kiểm dịch thực vật.

Điều 24. Xử lý vật thể nhập khẩu

1. Việc xử lý vật thể bị nhiễm dịch hại thuộc diện điều chỉnh và sinh vật gây hại lạ được quy định như sau:

a) Nếu vật thể bị nhiễm dịch hại kiểm dịch thực vật thuộc Danh mục dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam nhưng chưa có trên lãnh thổ Việt Nam hoặc những sinh vật gây hại lạ thì không được phép nhập khẩu và phải trả về nơi

xuất xứ hoặc tiêu hủy. Trường hợp có thể xử lý triệt để bằng biện pháp khác thì cơ quan kiểm dịch thực vật xem xét và quyết định áp dụng biện pháp đó;

b) Nếu vật thể bị nhiễm dịch hại thuộc Danh mục dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam mà đã có phân bố hẹp trên lãnh thổ Việt Nam hoặc nhiễm dịch hại thuộc danh mục dịch hại thuộc diện điều chỉnh nhưng không phải dịch hại kiểm dịch thực vật thì phải thực hiện các biện pháp xử lý triệt để do cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định. Trường hợp việc xử lý không thể thực hiện được trong điều kiện Việt Nam thì trả lại nơi xuất xứ hoặc tiêu hủy.

2. Vật thể từ nước ngoài do trôi dạt, rơi vãi, vớt bỏ, để lọt vào Việt Nam thì cơ quan kiểm dịch thực vật chủ trì, phối hợp với các cấp chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan xử lý.

Điều 25. Xử lý vật thể xuất khẩu, quá cảnh và nội địa

1. Việc xử lý vật thể xuất khẩu được thực hiện theo yêu cầu của chủ vật thể hoặc yêu cầu kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu hay hợp đồng buôn bán.

2. Khi vật thể quá cảnh Việt Nam, nếu có dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam hoặc đóng gói không đúng quy cách hàng hóa thì chủ vật thể phải áp dụng biện pháp xử lý vật thể hoặc đóng gói lại theo đúng quy định.

3. Việc xử lý vật thể bị nhiễm dịch trong công tác kiểm dịch thực vật nội địa được thực hiện theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Điều 26. Điều kiện hoạt động xông hơi khử trùng

Tổ chức hoạt động xông hơi khử trùng phải có đủ các điều kiện sau:

1. Người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động xông hơi khử trùng phải có Chứng chỉ hành nghề.

2. Người trực tiếp thực hiện hoạt động xông hơi khử trùng phải có Thẻ xông hơi khử trùng.

3. Có quy trình kỹ thuật, phương tiện, thiết bị phục vụ cho hoạt động xông hơi khử trùng, bảo đảm an toàn đối với con người, vật nuôi.

4. Bảo đảm về vệ sinh môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

5. Địa điểm làm việc, kho chứa thiết bị, hóa chất được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản.

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm quy định cụ thể việc cấp Chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng, Thẻ xông hơi khử trùng và các quy trình kỹ thuật, phương tiện, thiết bị phục vụ cho hoạt động xông hơi khử trùng.

Điều 27. Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng

1. Trình độ chuyên môn về hóa chất hoặc bảo vệ thực vật từ Đại học trở lên.

2. Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực này.

3. Có Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp theo quy định.

Điều 28. Điều kiện cấp Thẻ xông hơi khử trùng

1. Phải qua đào tạo về xông hơi khử trùng, được cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành kiểm tra trình độ chuyên môn, tay nghề.

2. Có Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp theo quy định.

Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của tổ chức hoạt động xông hơi khử trùng

1. Tổ chức hoạt động xông hơi khử trùng chỉ được phép hoạt động khi có đủ các điều kiện quy định tại Điều 26 Nghị định này và cam kết thực hiện đúng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động.

2. Cấp Giấy chứng nhận xông hơi khử trùng đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

3. Khi thực hiện biện pháp xông hơi khử trùng đối với vật thể nhiễm dịch hại kiểm dịch thực vật phải chịu sự giám sát của cơ quan kiểm dịch thực vật.

4. Thực hiện các biện pháp xông hơi khử trùng không làm ảnh hưởng tới chất lượng của hàng hóa, vật thể và sức khỏe của cộng đồng. Chịu trách nhiệm về kết quả của việc xông hơi khử trùng.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo, thay thế Điều lệ kiểm dịch thực vật ban hành kèm theo Nghị định số 58/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 31. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng